

Số: 1584/QĐ-UBND

Minh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu dân cư thôn 3, xã Long Hiệp
Địa điểm xây dựng: Xã Long Hiệp, huyện Minh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai 2013 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2015-2019);

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Khu dân cư thôn 3;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc giao đơn vị chuẩn bị các dự án đầu tư năm 2018 để thực hiện đầu năm 2019;

Căn cứ Công văn số 2644/STC-QLGCS ngày 08/11/2018 của Sở Tài chính về việc đơn giá gạo tẻ thường bình quân quý IV/2018 để làm cơ sở tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 4218/UBND-NNTN ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất;

Trên cơ sở Báo cáo số 102/BC-TNMT ngày 19/12/2018 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Khu dân cư thôn 3, xã Long Hiệp, huyện Minh Long,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình: Khu dân cư thôn 3, xã Long Hiệp, huyện Minh Long với các nội dung như sau:

I. Tổng diện tích đất thu hồi là: 1.969,2 m²

- Diện tích thu hồi trong quy hoạch: 1.899,8 m²

- Diện tích ngoài quy hoạch thu hồi luôn: 69,4 m²

1. Đất nông nghiệp: Tổng số thửa đất bồi thường hỗ trợ: 05 thửa; tổng diện tích: 1.969,2 m², trong đó:

- Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) VT1 : 1.845,8 m²

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) VT1: 123,4m²

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được bồi thường hỗ trợ: 06 hộ.

II. Tổng kinh phí: 258.132.855 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

Phần 1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 240.364.624 đồng

1. Bồi thường về đất : 190.021.304 đồng

2. Bồi thường về cây cối hoa màu: 18.280.000 đồng

3. Các khoản hỗ trợ: 32.063.320 đồng

Phần 2. Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 5.000.000 đồng

1. Chi phí tổ chức được giao làm công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư (Phần 2* 80%): 4.000.000 đồng

2. Chi phí cho UBND huyện: (Phần 2* 2,5 %) 125.000 đồng

3. Chi phí cho phòng TNMT: (Phần 2*1,5 %) 75.000 đồng

4. Chi phí Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh – Chi nhánh Minh Long: (Phần 2 *1%) 50.000 đồng

5. Chi phí cho UBND xã: (Phần 2*10%) 500.000 đồng

6. Chi phí thẩm định: (Phần 2* 5%) 250.000 đồng

Phần 3. Dự phòng chi: (Phần 1+ phần 2*5%) 12.268.231 đồng

(Cụ thể có phụ lục kèm theo)

Phần 4. Chi phí cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất (phần 2*10%): 500.000 đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Quyết định này làm căn cứ để thực hiện việc đền bù, cấp phát tiền tận tay cho những hộ dân có tài sản nằm trong vùng quy hoạch của dự án bằng tiền mặt và những đơn vị được đền bù theo mục đích công việc, cũng như theo giá trị đền bù ghi tại Điều 1 của Quyết định này. Niêm yết công khai Quyết định tại trụ sở UBND xã Long Hiệp và nhà văn hóa thôn 3, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh Minh Long để chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên - Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án ĐTXD, Kho bạc Nhà nước huyện; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh Minh Long; Chủ tịch UBND xã Long Hiệp và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT;
- VP: PCVP;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Võ Đình Tiến

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG CHI PHÍ THẨM ĐỊNH VÀ DỰ
PHÒNG CHI CÔNG TRÌNH: KHU DÂN CƯ THÔN 3 XÃ LONG HIỆP**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ LONG HIỆP, HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 158A/QĐ-UBND/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long)

Phần I : Mức bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	ĐVT	Tỷ lệ Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá	Hệ số bù cước vận chuyển	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7
						$8=4*5*6*7$
A	ĐẤT ĐAI	m2	1.969,2			190.021.304
A1	Bồi thường về đất (I+II)	m2	1.969,2			47.505.326
I	Đất sản xuất nông nghiệp, đất vườn (1+2)	m2	1.969,2			47.505.326
1	Đất sản xuất nông nghiệp	m2	1.969,2			47.505.326,0
1,1	Đất chuyên trồng lúa nước vị trí 1	m2	1.845,8	100%	24.200	44.668.360
1,2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m2	123,4	100%	22.990	2.836.966
A2	Hỗ trợ về đất (I+II)	m2	1.969,2			142.515.978
I	Hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp	m2	1.969,2			142.515.978
1,1	Đất chuyên trồng lúa nước vị trí 1	m2	1.845,8	300%	24.200	134.005.080
1,2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m2	123,4	300%	22.990	8.510.898
B	CÂY CỐI, HOA MÀU					18.280.000
1	Keo, cây có đường kính gốc ≥ 7 cm đến < 10 cm	Cây	6,0	100%	50.000	300.000
2	Tre thường cây già sử dụng đượ	Cây	145	100%	70.000	10.150.000
3	Chuối cây có buồng	Cây	32	100%	100.000	3.200.000
4	Chuối cây chưa có buồng	Cây	44	100%	40.000	1.760.000
5	Chuối cây con còn chung trong bụi	Cây	15	100%	8.000	120.000
6	Xà cừ cây có đk gốc 18cm	Cây	6	100%	150.000	900.000
7	Sầu Đông cây có ĐK gốc ≥ 12 cm đến < 16 cm	Cây	12	100%	100.000	1.200.000

8	Lim xanh cây có ĐK gốc 3 cm	Cây	2	100%	40.000		80.000
9	Đào tiên cây có chiều cao thân \geq 1m chưa cho quả	Cây	1	100%	70.000		70.000
10	Dừa cây cho quả	Bụi	20	100%	25.000		500.000
C	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ						32.063.320
1	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 10.668 đồng x 1 tháng/khẩu)	Khẩu	8	100%	320.040		2.560.320
2	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 10.668 đồng x 3 tháng/khẩu)	Khẩu	5	100%	960.120		4.800.600
3	Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 01 tháng (đơn giá bằng 30kg gạo x 10.668 đồng x 6 tháng/khẩu)	Khẩu	10	100%	1.920.240		19.202.400
4	Hỗ trợ hộ gia đình tại thời điểm thu hồi đất là hộ nghèo bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng	Hộ	1	100%	5.500.000		5.500.000
	Tổng cộng Phần I= (A+B+C)						240.364.624

Phần II : Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	5.000.000	đồng
1 Chi phí tổ chức được giao làm công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư (Phần II*80%)	4.000.000	đồng
2 Chi phí cho UBND cấp huyện (Phần II*2,5 %)	125.000	đồng
3 Chi phí cho cơ quan TN&MT cấp huyện (Phần II*1,5%)	75.000	đồng
4 Chi phí cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh chi nhánh Minh Long (Phần II*1%)	50.000	đồng
5 Chi phí cho UBND cấp xã (Phần II *10%)	500.000	đồng
6 Chi phí thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần II*5%)	250.000	đồng
Phần III : Dự phòng chi (Phần I + Phần II) x 5% :	12.268.231	đồng
Phần IV : Kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất (Phần II) x 10% :	500.000	đồng
* Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I + Phần II + Phần III + Phần IV):	258.132.855	đồng

Bằng chữ: Hai trăm năm tám triệu một trăm ba mươi hai ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng